

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 257/2019/DS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Bà Nguyễn Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà R ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1976 (có mặt)

Chị Đặng Thị Ngọc D, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị D ủy quyền cho anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Bà L ủy quyền cho anh Phan Văn D, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Ông Đặng Minh Q, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3. Chị Công Thị Thúy H, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

4. Anh Phạm Quốc H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp Hưng Long, xã Hòa Lộc, huyện Mỹ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Ông Q, chị H, anh H cùng ủy quyền cho ông Võ Quang T, sinh năm: 1948. Địa chỉ: Số 4xxC6, khu phố x, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyễn đơn bà Nguyễn Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 14/4/2017 bà Nguyễn Thị R có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D thửa đất số 93 diện tích 725,4m² và thửa 62 diện tích 1.404,1m² cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M với số tiền 900.000.000 đồng. Trong đó, thửa 93 số tiền 200.000.000 đồng (Thực tế hợp đồng ghi 30.000.000 đồng), thửa 62 là 700.000.000 đồng. Bà R đã giao đủ tiền tại thời điểm công chứng hợp đồng và nhận đất canh tác. Quá trình lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Nam ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa 62 nêu trên theo yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L, sinh năm: 1965, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện M trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán với anh T, chị D. Riêng thửa 93 bà R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Nay bà Nguyễn Thị R yêu cầu anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D tiếp tục thực hiện hợp đồng để bà R lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đặng Thị Ngọc D trình bày:

Vào ngày 14/4/2017, vợ chồng anh có lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 62 diện tích 1.404,1 m² tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M với số tiền là 700.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị R, vợ chồng anh đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà R canh tác từ đó cho đến nay, nay bà R yêu cầu vợ chồng anh tiếp tục thực hiện hợp đồng thì vợ chồng anh đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L là anh Phan Văn D trình bày:

Bà L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 62 diện tích 1.404,1 m² tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M. Lý do, phía anh T, chị D chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bà R nhằm mục đích tẩu tán tài sản để tránh nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà anh T và chị D phải trả cho bà L theo bản án của Tòa án nhân dân huyện M đã có hiệu lực pháp luật với số tiền 770.457.000 đồng. Anh T, chị D thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất nêu trên trong thời gian Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn” giữa anh T, chị D với

bà L và Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch về tài sản, mặt khác thời điểm này phần đất nêu trên anh T, chị D đang thế chấp vay vốn ngân hàng nhưng lại đột ngột trả tiền để lấy sổ về làm thủ tục chuyển nhượng cho bà R. Giá chuyển nhượng theo hợp đồng cũng không phù hợp với giá thị trường đối với diện tích đất nêu trên tương tự trong khu vực. Nay bà L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa anh T, chị D với bà R.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, chị H, anh H là ông Võ Quang T trình bày:

Ông Q yêu cầu anh T, chị D thi hành án với số tiền 2.200.000.000 đồng, chị H yêu cầu anh T, chị D thi hành án với số tiền 1.500.000.000 đồng, anh H yêu cầu anh T, chị D thi hành án với số tiền 389.445.000 đồng. Do đó, ông Q, anh H, chị H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 62 diện tích 1.404,1m² tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M. Lý do, anh T, chị D chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị R nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ thanh toán khoản nợ mà anh T và chị D phải trả cho ông Q, chị H và anh H. Nay ông Q, anh H, chị H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 14/4/2017 giữa bà R với anh T, chị D để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án vì anh T, chị D chỉ có 01 thửa đất duy nhất nêu trên.

Sau khi hoà giải không thành, Tòa án nhân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-PT ngày 26/02/2019 đã quyết định như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/4/2017 đối với thửa 62, tờ 11, diện tích 1404,1m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, anh Phạm Quốc H, ông Đặng Minh Q và chị Công Thị Thúy H.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/4/2017 giữa anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D đối với bà Nguyễn Thị R vô hiệu một phần đối với thửa 62, tờ 11, diện tích 1404,1m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

- Anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thửa 62, tờ 11, diện tích 1404,1 m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có bản vẽ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị R kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu anh T, chị D phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà R tại thửa 62, tờ bản đồ số 11 vì cho rằng do anh T, chị D chăn nuôi heo vào các năm 2015, 2016 bị thua lỗ nên các đại lý bán thức ăn cho anh T, chị D không cung cấp thức ăn chăn nuôi heo nữa. Do đó, anh T chị D phải bán đất để trả nợ và mua thức ăn cho đàn heo của anh chị trên 600 con và việc anh T, chị D bán đất cho bà R thì bà L, anh H vẫn biết, khi bán đất anh T và chị D có dùng tiền bán đất trả cho bà L 150.000.000 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L, ông Q, anh H, chị H là anh Vũ và ông T đều trình bày: Trước đây bà L và anh H có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh T và chị D; đến cuối năm 2016 do anh T, chị D thua lỗ nên không có khả năng trả tiền cho bà L và anh H nên lần lượt bà L và anh H không bán thức ăn cho anh T, chị D nữa. Trong khoảng thời gian anh T và chị D bán đất cho bà R thì đàn heo của anh T của chị D có khoảng 600 con gồm heo nái và heo thịt, bà L và anh H vốn biết anh T chị D phải bán đất để trả nợ và mua thức ăn cho đàn heo nên bà L có thương lượng mua thửa đất 93 của anh T để cản trừ bớt khoản nợ nhưng anh T không bán. Sau đó anh T bán đất cho bà R nhưng không dùng tiền để trả cho bà L và anh H nên anh T, chị D có ý tẩu tán tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà R.

Phía bị đơn anh Lê Văn T cũng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên huỷ một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị R và bị đơn anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D thuộc thửa 62, tờ bản đồ 11 là gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà R. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm. Theo đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị R. Bác yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 62, tờ bản đồ số 11, diện tích 1404,1m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre do anh Lê Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn là anh T, chị D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2017 đối

với phần đất nêu trên. Bị đơn cũng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng, tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án đối với tài sản là phần đất này không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là vô hiệu.

[2] Qua xác minh thì thửa đất trên bà R đã quản lý sử dụng từ khi các bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2017. Bà R đã có san lấp, trồng thêm các loại cây trồng trên đất. Tại cấp phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày trước khi anh T, chị D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà R thì những người có quyền lợi liên quan vẫn biết là anh T, chị D sẽ phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ ngân hàng và mua thức ăn cho đàn heo mà anh T, chị D đang nuôi; do anh T và chị D vào năm 2015, 2016, 2017 chăn nuôi bị thua lỗ nên mất khả năng thanh toán cho những người bán thức ăn cho anh chị như bà L, anh H nên bà L và anh H đã không giao thức ăn cho anh T và chị D nữa. Thực tế anh T và chị D phải bán đất để trả nợ cho ngân hàng và trả nợ cho những người khác mà anh T, chị D còn nợ nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến gì khác. Đối với số tiền anh T, chị D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà R cũng được anh T, chị D trả nợ vay cho ngân hàng. Điều đó có đủ căn cứ chứng minh anh T, chị D và bà R có giao dịch dân sự hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2017 là có thật, không phải là hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm tẩu tán tài sản để không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T, chị D và bà R, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà L có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa 62, tờ 11, diện tích 1404,1 m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre của anh T và chị D. Ngày 21/4/2017 Toà án nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 92/2017/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản đối với thửa đất nêu trên. Căn cứ Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án Dân sự thì kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối chiếu với quy định này thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà R và anh T, chị D thực tế đã có diễn ra và trước khi có các quyết định, bản án mà anh T, chị D phải thi hành cho bà L, anh Q, anh H, chị H. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà R và anh T, chị D là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy rằng toà án sơ thẩm áp dụng Điều 188 luật Đất đai, Điều 130 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà R. Vì vậy, cần chấp nhận

kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Mô Cày Nam.

[3] Do kháng cáo của bà R được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh lại phần án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng cho phù hợp.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà R, sửa bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 26/02/2019 của Toà án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26, 35, khoản 1 Điều 112, khoản 11 Điều 114, 126, 138, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/4/2017 đối với thửa 62, tờ bản đồ số 11, diện tích 1404,1m² tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, anh Phạm Quốc H, ông Đặng Minh Q và chị Công Thị Thuý H yêu cầu huỷ đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị R và anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D.

3. Chi phí thu thập chứng: Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D phải chịu là 884.000 (Tám trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Số tiền trên do bà R đã tạm nộp nên buộc anh T và chị D có nghĩa vụ trả lại cho bà R.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị L, anh Phạm Quốc H, ông Đặng Minh Q, chị Công Thị Thuý H mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ theo các biên lai thu số 0016506 ngày 09/5/2018, 0018741 ngày 04/7/2018, 0018742 ngày 04/7/2018, 0018743 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam nên bà L, anh H, ông Q, chị H không còn phải nộp.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0013620 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND, VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Kim Cua